

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HS – ST

Ngày 05 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Đức
- Ông Trương Công Định

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Quyên, Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:**

Bà Đặng Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2024/HSST ngày 01 tháng 02 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo: **Dương Thượng C**, sinh ngày: 25/01/1993 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Dương Văn T và bà Hà Thị H, có vợ Nhâm Thị H1, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/12/2023 đến nay. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn T, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

2. Anh Tạ Văn T1, sinh năm 2004; nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Huyền T2, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Ô, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

5. Anh Hoàng Văn H3, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn

Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số nhà B, đường L, tổ A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lợi dụng nhu cầu cần vay tiền của một số người nên Dương Thượng C đã nảy sinh ý định cho những người có nhu cầu vay tiền lấy lãi cao. Khi khách có nhu cầu vay tiền sẽ liên hệ với C thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay. Thời hạn vay tiền Côn thường quy định là (30 ngày), hết 30 ngày khách vay chưa trả được tiền gốc thì sẽ phải đóng lãi để tiếp tục vay cho đến khi nào trả được tiền gốc thì giao dịch kết thúc. Mỗi khoản cho khách vay, tùy vào thỏa thuận mà C có thể thu tiền lãi trước hoặc nhận tiền lãi sau. Để hợp thức hóa các khoản vay, C yêu cầu những người vay viết giấy nhận tiền mua hộ xe máy theo mẫu có sẵn do Côn cung cấp. Trong khoảng thời gian từ ngày 30/6/2023 đến ngày 26/12/2023, Dương Thượng C đã dùng tổng số tiền 67.000.000 đồng cho 06 người vay với lãi suất từ 3.846 đồng/triệu/ngày đến 5.000 đồng/triệu/ngày tương đương với lãi suất từ 140,38%/năm đến 182,5%/năm. Cách thức tính tiền lãi thu lợi bất chính như sau: $A = B - (20\% : 365 \times C \times D)$, trong đó A là tiền lãi thu lợi bất chính, B là tiền lãi thu được của khoản vay, C là số ngày vay tiền, D là số tiền vay, 20% là phần trăm vay tối đa/01 năm của khoản vay theo thỏa thuận, 365 là số ngày của 01 năm. Số tiền C đã thu lãi là 39.850.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là: 34.556.850 đồng. Cụ thể như sau:

- Ngày 30/6/2023, chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1985, trú tại thôn T, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình vay Côn số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm). Thời hạn đóng tiền lãi là 30 ngày/lần; chị H2 đã đóng 4 lần tiền lãi, mỗi lần đóng 1.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà chị H2 đã đóng cho C là 6.000.000 đồng. Số tiền mà C thu lợi bất chính là 5.342.466 đồng. Chị H2 chưa thanh toán xong tiền gốc và còn nợ 02 tháng tiền lãi.

- Ngày 22/7/2023, anh Tạ Văn T1, sinh năm 2004, trú tại thôn A, xã Q huyện Q, tỉnh Thái Bình vay của C số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày tương đương với lãi suất 146%/năm. Thời hạn đóng tiền lãi là 30 ngày/lần; anh T1 đã đóng 6 lần tiền lãi, mỗi lần đóng 1.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà anh T1 đã đóng cho C là 7.200.000 đồng. Số tiền mà C thu lợi bất chính là 6.213.699 đồng. Anh T1 chưa thanh toán xong tiền gốc.

- Ngày 01/8/2023, chị Nguyễn Thị Huyền T2, sinh năm 1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình; chỗ ở tại thôn Đ, xã P,

thành phố T, tỉnh Thái Bình vay của C số tiền 12.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày tương đương với lãi suất 146%/năm. Thời hạn đóng tiền lãi là 30 ngày/lần; chị T2 đã đóng được 5 lần tiền lãi, mỗi lần đóng 1.440.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà chị T2 đã đóng cho C là 7.200.000đ. Số tiền mà C thu lợi bất chính là 6.213.699 đồng. Chị T2 chưa thanh toán xong tiền gốc.

- Ngày 08/8/2023, anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1983, trú tại thôn Ô, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vay C số tiền 13.000.000 đồng với lãi suất 3.846 đồng/triệu/ngày tương đương với lãi suất 140.38%/năm. Thời hạn đóng tiền lãi là 30 ngày/lần; anh M đã đóng 4 lần tiền lãi, mỗi lần đóng 1.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà anh M đã đóng cho C là 6.000.000 đồng. Số tiền mà C thu lợi bất chính là 5.145.205 đồng. Anh M chưa thanh toán xong tiền gốc và còn nợ 01 tháng tiền lãi.

- Ngày 08/8/2023, anh Hoàng Văn H3, sinh năm 1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình; chỗ ở tại thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình vay của C số tiền 12.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày tương đương với lãi suất 146%/năm. Thời hạn đóng tiền lãi là 30 ngày/lần; anh H3 đã đóng 5 lần tiền lãi, mỗi lần đóng 1.440.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà anh H3 đã đóng cho C là 7.200.000 đồng. Số tiền mà C thu lợi bất chính là 6.213.699 đồng. Anh H3 chưa thanh toán xong tiền gốc.

- Ngày 10/8/2023, anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1977, trú tại số nhà B, đường L, tổ A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình vay của C số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 4.167 đồng/triệu/ngày tương đương với lãi suất 152.08%/năm. Thời hạn đóng tiền lãi là 30 ngày/lần; anh N đã đóng được 5 lần tiền lãi, mỗi lần đóng là 1.250.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà anh N đã đóng cho C là 6.250.000 đồng. Số tiền mà C thu lợi bất chính là 5.428.082 đồng. Anh N chưa thanh toán xong tiền gốc.

Ngày 26/12/2023, chị Nguyễn Thị H2 làm đơn trình báo tố giác Dương Thượng C về hành vi cho chị H2 vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính.

Bản Cáo trạng số 37/CT - VKSTP ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Dương Thượng C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã mô tả. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Dương Thượng Côn t “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Thượng C 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Bị cáo Dương Thượng Côn thu lời bất chính số tiền 34.556.850 đồng, đã trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền 11.000.000 đồng (gồm: Trả anh Hoàng Văn H3 số tiền 3.000.000 đồng; trả chị Nguyễn Thị Huyền T2 số tiền 3.000.000 đồng; trả anh Nguyễn Đức N số tiền 2.000.000 đồng; trả anh Tạ Văn T1 số tiền 3.000.000 đồng). Bị cáo còn phải trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền 23.556.850 đồng, cụ thể như sau:

- + Trả cho chị Nguyễn Thị H2 số tiền 5.342.466 đồng.
- + Trả cho anh Tạ Văn T1 số tiền 3.213.699 đồng.
- + Trả cho chị Nguyễn Thị Huyền T2 số tiền 3.213.699 đồng.
- + Trả cho anh Nguyễn Tiến M số tiền 5.145.205 đồng.
- + Trả cho anh Nguyễn Văn H4 số tiền 3.213.699 đồng.
- + Trả cho anh Nguyễn Đức M1 số tiền 3.428.082 đồng.

Đối với số tiền bị cáo sử dụng để cho những người có quyền lợi liên quan vay và số tiền lãi theo quy định của Nhà nước đề nghị tuyên truy thu sung quỹ Nhà nước. Do đó đề nghị truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 67.000.000 đồng là tiền bị cáo dùng để cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay với lãi suất cao nhưng đến nay chưa trả lại cho bị cáo và 5.293.150 đồng là tiền lãi theo quy định. Cụ thể:

- + Truy thu sung quỹ số tiền 10.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị H2.
- + Truy thu sung quỹ số tiền 10.000.000 đồng của anh Tạ Văn T1.
- + Truy thu sung quỹ số tiền 12.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Huyền T2.
- + Truy thu sung quỹ số tiền 13.000.000 đồng của anh Nguyễn Tiến M.
- + Truy thu sung quỹ số tiền 12.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn H4.
- + Truy thu sung quỹ số tiền 10.000.000 đồng của anh Nguyễn Đức M1.
- + Truy thu sung quỹ số tiền 5.293.150 đồng của bị cáo Dương Thượng Côn .

Bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố không tranh luận các vấn đề khác và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân của bị cáo để giảm nhẹ mức án thấp nhất cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để quyết định hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra và truy tố cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã mô tả. Lời khai của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các giấy nhận tiền mua hộ xe máy; lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; bản sao kê tài khoản Ngân hàng V, số tài khoản 0211000468546, chủ tài khoản Dương Thượng C; sổ phụ kiêm giấy báo nợ, báo có của Ngân hàng V1 (P), số tài khoản 227166827, chủ tài khoản Nguyễn Thị Huyền T2; sổ phụ kiêm giấy báo nợ, báo có của Ngân hàng TMCP K (T3), số tài khoản 19036091568018, chủ tài khoản Hoàng Văn H3; tài liệu bưu chuyển tiền do anh Tạ Văn Trung chuyển k đến số tài khoản của Dương Thượng C và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 30/6/2023 đến ngày 26/12/2023, Dương Thượng C đã dùng tổng số tiền 67.000.000 đồng cho 06 người gồm: Chị Nguyễn Thị H2; anh Hoàng Văn H3; anh Tạ Văn T1; anh Nguyễn Tiến M; chị Nguyễn Thị Huyền T2 và anh Nguyễn Đức N vay với lãi suất từ 3.846 đồng/triệu/ngày đến 5.000 đồng/triệu/ngày tương đương với lãi suất từ 140,38%/năm đến 182,5%/năm (gấp 07 đến 09 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Tổng số tiền lãi Còn thu là 39.850.000 đồng, C đã thu lợi bất chính số tiền 34.556.850 đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ làm ảnh hưởng đến thị trường tín dụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của công dân. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vì hám lời nên vẫn cố ý thực hiện hành vi cho vay 67.000.000 đồng với lãi suất từ 140,38% đến 182,5%/năm, gấp 7 đến 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, nhằm thu lợi bất chính số tiền 34.556.850 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự. quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định: 1. “*Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm...3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*

[4]. Do số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Còn dưới 100.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố các bị cáo về tội cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[5]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã khắc phục được một phần hậu quả cho người liên quan nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về quyết định hình phạt:

[6.1]. Hình phạt chính: Xem xét đến tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo khi quyết định hình phạt thấy: bị cáo Dương Thượng C, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với bị cáo C là phù hợp với tính chất mức độ và hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6.2]. Hình phạt bổ sung: Bị cáo C không có việc làm và thu nhập ổn định có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về biện pháp tư pháp:

[7.1]. Đối với số tiền mà bị cáo C đã thu lời bất chính là 34.556.850 đồng, bị cáo đã trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền 11.000.000 đồng (gồm: Trả anh Hoàng Văn H3 số tiền 3.000.000 đồng; trả chị Nguyễn Thị Huyền T2 số tiền 3.000.000 đồng; trả anh Nguyễn Đức N số tiền 2.000.000 đồng; trả anh Tạ Văn T1 số tiền 3.000.000 đồng). Bị cáo còn phải trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền 23.556.850 đồng, cụ thể như sau:

- + Trả cho chị Nguyễn Thị H2 số tiền 5.342.466 đồng.
- + Trả cho anh Tạ Văn T1 số tiền 3.213.699 đồng.
- + Trả cho chị Nguyễn Thị Huyền T2 số tiền 3.213.699 đồng.
- + Trả cho anh Nguyễn Tiến M số tiền 5.145.205 đồng.
- + Trả cho anh Nguyễn Văn H4 số tiền 3.213.699 đồng.
- + Trả cho anh Nguyễn Đức M1 số tiền 3.428.082 đồng.

[7.2]. Đối với số tiền bị cáo C sử dụng để cho những người có quyền lợi liên quan vay và số tiền lãi theo quy định của Nhà nước đề nghị tuyên truy thu sung quỹ Nhà nước. Do đó đề nghị truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 67.000.000 đồng là tiền bị cáo dùng để cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay với lãi suất cao nhưng đến nay chưa trả lại cho bị cáo và 5.293.150 đồng là tiền lãi theo quy định. Cụ thể:

- + Truy thu sung quỹ số tiền 10.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị H2.
- + Truy thu sung quỹ số tiền 10.000.000 đồng của anh Tạ Văn T1.
- + Truy thu sung quỹ số tiền 12.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Huyền T2.

- + Truy thu sung quỹ số tiền 13.000.000 đồng của anh Nguyễn Tiến M.
- + Truy thu sung quỹ số tiền 12.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn H4.
- + Truy thu sung quỹ số tiền 10.000.000 đồng của anh Nguyễn Đức M1.
- + Truy thu sung quỹ số tiền 5.293.150 đồng của bị cáo Dương Thượng Côn .

[8]. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật, bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Điều 106; Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016/UBTVQH14.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Thượng C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Thượng C 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Bị cáo đã trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền 11.000.000 đồng (gồm: Trả anh Hoàng Văn H3 số tiền 3.000.000 đồng; trả chị Nguyễn Thị Huyền T2 số tiền 3.000.000 đồng; trả anh Nguyễn Đức N số tiền 2.000.000 đồng; trả anh Tạ Văn T1 số tiền 3.000.000 đồng). Bị cáo còn phải trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền 23.556.850 đồng, cụ thể như sau: Trả cho chị Nguyễn Thị H2 số tiền 5.342.466 đồng (năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng); anh Tạ Văn T1 số tiền 3.213.699 đồng (ba triệu hai trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng); chị Nguyễn Thị Huyền T2 số tiền 3.213.699 đồng (ba triệu hai trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng); anh Nguyễn Tiến M số tiền 5.145.205 đồng (năm triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng); anh Nguyễn Văn H4 số tiền 3.213.699 đồng (ba triệu hai trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng); anh Nguyễn Đức M1 số tiền 3.428.082 đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

3.2. Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) của chị Nguyễn Thị H2; số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) của anh Tạ Văn T1; số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) của chị Nguyễn Thị Huyền T2; số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) của anh Nguyễn Tiến M; số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) của anh Nguyễn Văn H4; số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) của anh Nguyễn Đức M1; số tiền 5.293.150 đồng (Năm triệu hai trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi đồng) của bị cáo Dương Thượng Côn .

4. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 05/3/2024. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án ND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

\